

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DX
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 03-3-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DX, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Hương
2. Ông Ngô Đình Lục

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện DX, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện DX, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị T, sinh năm: 1984, có mặt.

Địa chỉ: thôn CS, xã DT, huyện DX, Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Kim T1, sinh năm: 1985, vắng mặt.

Địa chỉ: thôn VT, xã DH, huyện DX, Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2020, các phiên hòa giải ngày 16/12/2020, 14/01/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đinh Kim T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DH vào năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh T1 hay ghen tuông, thường xuyên uống rượu rồi nhục mạ chị T, anh T1 còn cờ bạc, không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con có hành vi bạo lực gia đình. Nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Đinh Cao L, sinh ngày 01/01/2014 và Đinh Thị Anh T, sinh năm 26/6/2018. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi hai con và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 cháu (2.000.000 đồng/ 2 cháu).

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 09/12/2020, phiên hòa giải ngày 16/12/2020, bị đơn anh Đinh Kim T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T tính tình nóng nảy nên vợ chồng hay nói qua nói lại, anh T1 ghen tuông là có lý do, chuyện cờ bạc, không lo làm ăn như chị T trình bày là không có. Anh T1 thừa nhận mình thiếu quan tâm vợ con do bản thân thường xuyên đi làm xa. Anh T1 vẫn còn T yêu vợ con, mong muốn vợ chồng hàn gắn, làm lại từ đầu. Do đó, anh T1 không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị T trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh T1 có nguyện vọng nuôi cháu Đinh Cao L, đồng ý giao cháu Đinh Thị Anh T cho chị T nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án nhân dân huyện DX thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành pháp luật, không tham gia tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Vợ chồng anh T1 và chị T mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân, hiện nay chị T không còn tình cảm với anh T1 nên đề nghị cho chị T được ly hôn anh T1. Về con chung: Anh T1 thiếu trách nhiệm với gia đình nên đề nghị giao 02 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000đ/tháng.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án gồm:

- Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn;
- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của chị Cao Thị T;
- Bản sao Trích lục khai sinh của hai con;
- Bản sao Sổ hộ khẩu;
- Danh sách đăng ký tạm trú;
- 01 Phiếu lương của chị Cao Thị T;
- 01 Bảng trình bày nguyện vọng của con; 02 Biên bản xác minh.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Tất cả các tài liệu, chứng cứ trên.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất:

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T cương quyết xin ly hôn. Anh T1 không đồng ý ly hôn.

Về con chung:

- Chị T có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 cháu.

- Anh T1 có nguyện vọng nuôi cháu Đình Cao L, đồng ý giao cháu Đình Thị Anh Thư cho chị T nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh Đình Kim T1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh T1 không hợp tác vắng mặt tại phiên hòa giải lần thứ hai ngày 14/01/2021, phiên tòa 23/02/2021 và phiên tòa hôm nay. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Đình Kim T1 là đúng pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ cho thấy chị Cao Thị T và anh Đình Kim T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã DH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2013, đăng ký ngày 20/02/2013 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Cả hai bên đều thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh T1 thường xuyên nhậu nhẹt, thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay.

Mặc dầu anh T1 không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, sau phiên hòa giải ngày 16/12/2020, anh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiếp tục hòa giải, anh T1 không tham gia phiên hòa giải. Điều đó thể hiện anh T1 không có thiện chí mong muốn vợ chồng hòa giải để hàn gắn, quay về chung sống.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Xét thấy vợ chồng đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được là vi phạm vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị T là đúng pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đình Cao L, sinh ngày 01/01/2014 và Đình Thị Anh Thư, sinh ngày 26/6/2018 hiện ở với chị T.

Xét thấy: Công việc và thu nhập của chị T ổn định, tiền lương chị T mỗi tháng hơn 6.000.000 đồng, ngoài ra thu nhập từ việc làm thêm bên ngoài được khoảng 2.000.000 đồng. Anh T1 hiện nay đang làm lái xe ở Đà Nẵng, thường xuyên đi làm xa, chở hàng hóa đi phân phối cho các tỉnh lân cận thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng/tháng. Cuối tuần anh T1 mới về thăm gia đình.

Do anh T1 thường xuyên đi làm xa, ít về nhà để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Còn công việc của chị T thì làm việc gần nhà nên sẽ có nhiều thời gian để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt hơn. Cháu Thư tuổi còn nhỏ nên việc giao cho mẹ nuôi là hợp lý còn cháu L thì có nguyện

vọng muốn được ở với mẹ. Cả hai cháu đang ở với chị T, không nên xáo trộn tình cảm các cháu. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị T giao hai con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 cháu (2.000.000 đồng/ 2 cháu). Mức cấp dưỡng này phù hợp với nhu cầu tối thiểu đảm bảo cho cuộc sống các cháu nên được chấp nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Cao Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Đinh Kim T1 phải chịu án phí DS-ST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: “*Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị T, cho chị Cao Thị T và anh Đinh Kim T1 ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Đinh Cao L, sinh ngày 01/01/2014 và Đinh Thị Anh Thư, sinh năm 26/6/2018 cho chị Cao Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Đinh Kim T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L và cháu Thư mỗi tháng 1.000.000 đồng/ 1 cháu (2.000.000 đồng/ 2 cháu) kể từ tháng 3/2021 cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Cao Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Đinh Kim T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

- Án phí HNGĐ-ST số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị Cao Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 8189 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DX. Chị T đã nộp đủ án phí.

- Án phí DS-ST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) anh Đinh Kim T1 phải chịu.

5. Chị Cao Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/3/2021). Anh Đinh Kim T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND DX;
- THADS DX;
- Các đương sự;
- UBND xã DH;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Quốc